

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2021/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh.

---

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VIII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN  
DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

#### **Mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### **Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ quy hoạch, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn (thuộc phạm vi của Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

2. Hỗ trợ giao thông nông thôn

a) Đối với các xã miền núi: Nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 56% theo tổng dự toán công trình được duyệt, phân bổ kinh phí cho các Chủ đầu tư (gồm: UBND các huyện: Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh, Tây Hòa, Tuy An, Phú Hòa và thị xã Sông Cầu) thực hiện: tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng xi măng cho các công trình theo đúng quy định; hỗ trợ ống cống (nếu có); hỗ trợ kinh phí quản lý công trình 2 triệu đồng/km; hỗ trợ bổ sung kinh phí cho các công trình đăng ký thực hiện theo Chương trình theo mức cụ thể sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng/km*

Xã miền núi	Loại đường (m)						
	5,5 m	5,0 m	4,5 m	4,0 m	3,5 m	3,0 m	2,5 m
Khu vực I	91,67	83,33	75,00	66,67	58,33	50,00	41,67
Khu vực II	119,17	108,33	97,50	86,67	75,83	65,00	54,17
Khu vực III	146,67	133,33	120,00	106,67	93,33	80,00	66,67

Nguồn vốn ngân sách huyện hỗ trợ tối thiểu 15% theo tổng dự toán công trình được duyệt; nguồn vốn xã, huy động từ nhân dân và các nguồn khác: Tự nguyện hiến đất và giải phóng mặt bằng, cung cấp vật liệu xây dựng nền, mặt

đường (sỏi, đá, cát) và các vật liệu khác; huy động phương tiện thi công, tổ chức thi công xây dựng nền đường, thi công bê tông mặt đường.

b) Đối với các xã không thuộc các xã khu vực miền núi có đường giao thông đến trung tâm xã: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%; ngân sách huyện hỗ trợ 15%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 15%.

c) Đối với các xã không thuộc các xã khu vực miền núi có đường giao thông thôn, xóm và đường giao thông nội đồng: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách huyện hỗ trợ 15%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 35%.

### 3. Hỗ trợ hệ thống thủy lợi nội đồng (Kênh mương nội đồng)

Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ toàn bộ xi măng, ống cống, chi phí vận chuyển đến xã và hỗ trợ chi phí quản lý 2 triệu đồng/km. Ngân sách huyện hỗ trợ tối thiểu 15% theo tổng dự toán công trình được duyệt cho tất cả các xã; phần còn lại là nguồn vốn xã, huy động từ nhân dân và các nguồn khác. Ngoài mức hỗ trợ trên, thì ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm:

a) Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: 80 triệu đồng/km (mặt cắt kênh rộng 40cm trở lên; cao 30cm trở lên).

b) Các xã thuộc khu vực II vùng dân tộc thiểu số, miền núi: 65 triệu đồng/km (mặt cắt kênh rộng 40cm trở lên; cao 30cm trở lên).

c) Các xã thuộc khu vực I vùng dân tộc thiểu số, miền núi: 50 triệu đồng/km (mặt cắt kênh rộng 40cm trở lên; cao 30cm trở lên).

### 4. Hỗ trợ công trình trường học; Trạm y tế xã

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 85%; ngân sách huyện hỗ trợ 10%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 5%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 75%; ngân sách huyện hỗ trợ 10%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 15%.

### 5. Hỗ trợ trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20%; ngân sách cấp xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 10%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 65%; ngân sách huyện hỗ trợ 20%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 15%.

### 6. Hỗ trợ khu thể thao và nhà văn hóa thôn

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 55%; ngân sách huyện hỗ trợ 20%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 25%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20%; ngân sách cấp xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 30%.

7. Hỗ trợ công trình cấp nước sinh hoạt

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 85%; ngân sách huyện hỗ trợ 10%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 5%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 80%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 10%; ngân sách cấp xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 10%.

8. Hỗ trợ xử lý chất thải, thoát nước thải khu dân cư

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 60%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 30%; ngân sách cấp xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 10%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 55%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 30%; ngân sách cấp xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 15%.

9. Hỗ trợ cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 45%; ngân sách huyện hỗ trợ 30%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 25%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 40%; ngân sách huyện hỗ trợ 30%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 30%.

10. Hỗ trợ cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 85%; ngân sách huyện hỗ trợ 10%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 5%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 80%; ngân sách huyện hỗ trợ 10%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 10%.

11. Hỗ trợ hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 35%; ngân sách huyện hỗ trợ 30%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 35%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách huyện hỗ trợ 30%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 40%.

12. Hỗ trợ hạ tầng các khu sản xuất tập trung tiểu thủ công nghiệp, thủy sản

a) Đối với các xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 55%; ngân sách huyện hỗ trợ 30%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 15%.

b) Đối với các xã không phải xã đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách huyện hỗ trợ 30%; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 20%.

13. Hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân: Thực hiện theo

quy định hiện hành.

14. Hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Thực hiện theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025.

#### **Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ riêng**

Đối với các xã thuộc các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo được ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 85%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 10%; ngân sách cấp xã hỗ trợ 5% cho các nội dung tại Điều 3 Nghị quyết này (trừ các nội dung và mức hỗ trợ tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 13, Khoản 14 Điều 3 của Quy định này).

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Đối với ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tỷ lệ ngân sách tỉnh hỗ trợ căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh bố trí hỗ trợ thực hiện Chương trình theo mục tiêu kế hoạch hằng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với ngân sách huyện: Mức hỗ trợ từ ngân sách huyện tại Điều 3 Quy định này là mức hỗ trợ tối thiểu. Tùy vào khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện, đặc điểm tình hình, mục tiêu nhiệm vụ và khả năng cân đối vốn của từng công trình, dự án cụ thể, ngân sách cấp huyện có thể xem xét hỗ trợ thêm để giảm bớt tỷ lệ vốn tham gia từ nguồn ngân sách cấp xã và nguồn huy động đóng góp, tỷ lệ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh không thay đổi khi tăng tỷ lệ ngân sách cấp huyện.

3. Đối với ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: Bao gồm ngân sách xã, huy động đóng góp của các doanh nghiệp, các nhà tài trợ, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và nhân dân sống trên địa bàn. Đối với đóng góp của nhân dân, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. UBND xã xây dựng phương án vận động nguồn đóng góp cụ thể cho từng công trình, dự án để nhân dân bàn bạc thống nhất, HĐND xã thông qua. Đóng góp của người dân gồm: hiến quyền sử dụng đất, công lao động, vật tư, tiền, huy động phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển và các khoản đóng góp khác.

4. Huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi là các huyện, xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

#### **Điều 6. Quy định chuyển tiếp**

1. Các công trình thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu có quyết định riêng như: công trình xây dựng chợ, công trình cấp nước; các công trình có hiệp định ký kết đối với đối tác nước ngoài; các công trình có văn bản thỏa thuận của nhà tài trợ thì thực hiện theo quy định của các quyết định, hiệp định ký kết hoặc thỏa thuận đó.

2. Các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được xem xét quyết toán theo chủ trương đầu tư đã có trước đó./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**